BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***54.593.670.880***	***45.185.569.496***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		29.487.373.219	29.024.198.768
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		15.606.699.193	5.678.083.130
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(809.231.415)
- Chi phí lãi vay	06		18.108.961.864	15.749.267.593
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***117.796.705.156***	***94.827.887.572***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(754.338.894)	(974.684.064)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(401.784.600)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.752.562.711)	6.753.416.091
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.213.172.797)	(217.176.924)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(18.108.961.864)	(16.027.642.593)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.685.795.250)	(3.237.769.287)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		9.011.324.734	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(24.151.504.935)	(2.072.945.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***70.739.908.839***	***79.051.085.068***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(54.519.590.065)	(50.780.285.495)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	809.231.415
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(54.519.590.065)***	***(49.971.054.080)***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		105.749.978.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	29.429.787.975
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(44.658.624.950)	(32.293.800.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.785.287.000)	(632.698.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***31.306.066.050***	***(3.496.710.025)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**47.526.384.824**	**25.583.320.963**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**35.735.317.318**	**10.152.851.319**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(129.925.702)	(854.964)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**83.131.776.440**	**35.735.317.318**

Lập ngày 20 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Lý Ngọc Tuyền	**Ngô Phạm Viết Tuấn**	**Nguyễn Văn Quân**